

**BÁO CÁO**  
**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN**  
**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2019**

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của HĐND huyện Tân Biên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2019, UBND huyện Tân Biên ban hành Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn huyện Tân Biên, gồm:

<b>1. Dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo chỉ tiêu:</b>	<b>140.000 triệu đồng</b>
- Thu cân đối:	140.000 triệu đồng
<b>2. Dự toán chi ngân sách địa phương:</b>	<b>348.452 triệu đồng</b>
- Chi đầu tư phát triển:	42.940 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	297.882 triệu đồng
- Quỹ dự phòng	6.700 triệu đồng
- Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương:	930 triệu đồng

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2019 như sau:

**I. VỀ THU NGÂN SÁCH:**

**1. Thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu:**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính vào chỉ tiêu thực hiện 6 tháng năm 2019 là 74.589/140.000 triệu đồng, đạt 53,28% so với dự toán, tăng 10,42% so với cùng kỳ. Trong đó:

- **Có 6/9 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2019 (75%):** Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước đạt 637,30% (17.844/2.800 triệu đồng); Thu lệ phí trước bạ đạt 92,30% (10.153/11.000 triệu đồng); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 87,61% (131/150 triệu đồng); Thu tiền sử dụng đất đạt 79,42% (19.061/24.000 triệu đồng); Thuế thu nhập cá nhân đạt 77,46% (13.942/18.000 triệu đồng); Thu khác tại xã đạt 75,98% (1.140/1.500 triệu đồng).

**Có 3/9 khoản thu không đạt tiến độ dự toán năm 2019 (dưới 75%):** Thu thuế công thương nghiệp đạt 71,15% (49.665/69.800 triệu đồng) (Trong đó: Thuế giá trị gia tăng đạt 43.873/62.375 triệu đồng, đạt 70,34% so với dự toán. Gồm: thuế GTGT hộ cá thể đạt 67,34% dự toán (3.283/4.875 triệu đồng); thuế GTGT khấu trừ đạt 70,59% dự toán (40.590/57.500 triệu đồng)); Thu khác ngân

sách đạt 66,18% (5.956/9.000 triệu đồng); Thu phí, lệ phí, phí môn bài đạt 62,74% (2.353/3.750 triệu đồng).

**2. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp (Không bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp trên):**

- Thu cân đối ngân sách cấp huyện: 136.857/153.312 triệu đồng, đạt 89,27% dự toán.

- Thu cân đối ngân sách cấp xã:

+ Có 5/10 xã thu cân đối đạt tiến độ dự toán năm 2019: xã Thanh Bình thu đạt 104,67% (1.667/1.593 triệu đồng); xã Tân Bình thu đạt 101,76% (414/407 triệu đồng); xã Hòa Hiệp thu đạt 100,73% (1.215/1.206 triệu đồng); xã Tân Phong thu đạt 90,05% (1.393/1.547) triệu đồng; xã Thanh Tây thu đạt 81,16% (1.405/1.731 triệu đồng).

- Có 5/10 xã thu cân đối không đạt tiến độ dự toán năm 2019: xã Thanh Bắc thu đạt 73,06% (397/543 triệu đồng); xã Mỏ Công thu đạt 70,01% (1.138/1.625 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 69,92% (982/1.404 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 68,18% (1.080/1.584 triệu đồng); Thị trấn thu đạt 65,75% (2.804/4.265 triệu đồng).

## II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi ngân sách huyện thực hiện 9 tháng năm 2019 là 304.519/348.452 triệu đồng, đạt 87,39% dự toán, tăng 5,38% so với cùng kỳ. Trong đó:

### 1. Chi cân đối ngân sách

Thực hiện chi cân đối ngân sách huyện 9 tháng năm 2019 là: 235.718 triệu đồng, đạt 71,36% dự toán, tăng 8,75% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 53.356 triệu đồng, đạt 124,26% dự toán, tăng 64,00% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên là: 182.362 triệu đồng, đạt 64,97% dự toán, giảm 1,00% so với cùng kỳ.

### 2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

Thực hiện chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 9 tháng năm 2019 là 68.802 triệu đồng, đạt 379,70% so với dự toán, giảm 4,76% so với cùng kỳ.

## III. Cận đối thu, chi ngân sách địa phương:

1. Tổng thu cân đối ngân sách	461.756 triệu đồng
- Thu ngân sách hưởng 100% và thu điều tiết	158.095 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	267.909 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm 2018 sang	35.752 triệu đồng
2. Tổng chi ngân sách	304.519 triệu đồng

- Chi từ cân đối ngân sách cấp huyện 235.718 triệu đồng
- Chi từ nguồn BSCMT từ ngân sách tỉnh 68.802 triệu đồng

#### IV. ĐÁNH GIÁ VỀ THU, CHI NGÂN SÁCH:

##### 1. Về thu ngân sách:

Tình hình công tác thuế những 9 tháng đầu năm khá thuận lợi; qua thực hiện 9 tháng đạt 86,29% so dự toán năm 2019, tăng 20,81% so cùng kỳ năm 2018.

Đến cuối tháng 9/2019, có 01 khoản thu đã hoàn thành vượt dự toán năm (Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước đạt 637,30% dự toán), nguyên nhân vượt là do Siêu thị Co.opmart chuyển tiền thuê đất, tổng số tiền cho thuê: 21.280 triệu đồng, đã chuyển đợt 1: 10.640 triệu đồng, số tiền còn lại dự kiến sẽ chuyển vào cuối tháng 10/2019; và 5 khoản thu đạt tiến độ dự toán (Thu tiền sử dụng đất; thu lệ phí trước bạ; thu khác tại xã; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân).

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả thu, đó là:

- Còn 3 khoản thu chưa đạt dự toán (thu khác ngân sách; thu phí, lệ phí, phí môn bài; thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh), trong số đó thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh là khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dự toán.

- Công tác xử lý nợ thuế còn nhiều bất cập. Nợ các năm chuyển sang phần lớn là nợ khó thu, chủ yếu là ở các doanh nghiệp kinh doanh thương mại hàng nông sản, hầu hết doanh nghiệp này không còn hoạt động kinh doanh, một số đã lâm vào tình trạng phá sản chờ giải thể, đã bị khởi tố hình sự không khả năng nộp thuế, một số đã bỏ địa chỉ kinh doanh.... Qua xác minh thông tin doanh nghiệp phần lớn là không có tài sản, không có khả năng nộp thuế nợ nhưng tiền chậm nộp vẫn phát sinh hàng tháng làm nợ thuế tăng.

Tổng số nợ thuế tạm tính đến ngày 30/9/2019 là 126.782 triệu đồng (thuế GTGT 58.199 triệu đồng; thuế TNDN 3.002 triệu đồng, các loại thuế khác 1.138 triệu đồng, tiền chậm nộp thuế 64.443 triệu đồng). Trong đó: Nợ có khả năng thu 1.455 triệu đồng; nợ khó thu 125.327 triệu đồng (Bỏ địa chỉ kinh doanh 31.403 triệu đồng, chờ giải thể 1.386 triệu đồng, chết 9 triệu đồng, không khả năng thanh toán 92.529 triệu đồng); so thời điểm 31/8/2019 (128.744 tr.đ) giảm 1,52%; so thời điểm 31/12/2018 tăng 0,56%.

##### 2. Về chi NSNN:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng chế tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán theo đúng tiến độ. Riêng chi đầu tư phát triển tăng cao so với dự toán là do ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách huyện để thanh toán khối lượng hoàn thành và đầu tư xây mới một số công trình trên địa bàn.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2019 của UBND huyện Tân Biên

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính
- TT.HUY
- TT.HĐND huyện;
- Lưu VP.HĐND-UBND huyện.

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Nghĩa**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện 6 tháng năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm 2018
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>140.000</b>	<b>120.801</b>	<b>86,29</b>	<b>120,81</b>
I	Thu nội địa	140.000	120.801	86,29	120,81
II	Thu viện trợ				
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>348.452</b>	<b>461.756</b>	<b>132,52</b>	<b>134,35</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối ngân sách</b>	<b>181.800</b>	<b>158.095</b>	<b>86,96</b>	<b>127,69</b>
1	Các khoản thu huyện hưởng 100%	54.085	45.100	83,39	94,29
2	Các khoản thu phân chia ngân sách huyện theo tỷ lệ %	127.715	112.995	88,47	148,72
<b>II</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách tỉnh</b>	<b>164.530</b>	<b>267.909</b>	<b>162,83</b>	<b>145,80</b>
1	Bổ sung cân đối	146.410	108.756	74,28	98,97
2	Bổ sung có mục tiêu	18.120	159.153	878,33	215,46
<b>III</b>	<b>Thu kết dư</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>2.122</b>	<b>35.752</b>	<b>1.684,84</b>	
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>348.452</b>	<b>304.519</b>	<b>87,39</b>	<b>105,38</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>330.332</b>	<b>235.718</b>	<b>71,36</b>	<b>108,75</b>
1	Chi đầu tư phát triển	42.940	53.356	124,26	164,00
2	Chi thường xuyên	280.692	182.362	64,97	99,00
3	Dự phòng ngân sách	6.700			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>18.120</b>	<b>68.802</b>	<b>379,70</b>	<b>95,24</b>

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện 9 tháng	Số sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm 2018
A	B	1	2	3=2/1	4
A	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	140.000	120.801	86,29	120,81
I	<b>Thu nội địa</b>	140.000	120.801	86,29	120,81
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	69.800	49.665	71,15	119,56
4	Thuế thu nhập cá nhân	18.000	13.942	77,46	116,41
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	11.000	10.153	92,30	135,14
7	Thu phí, lệ phí	3.750	2.353	62,74	94,75
8	Các khoản thu về nhà, đất	26.950	37.594	139,49	127,17
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		550		100,80
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150	137	87,67	58,66
-	Thu tiền sử dụng đất	24.000	19.061	79,32	85,50
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.800	17.844	637,30	274,91
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	9.000	5.956	66,18	105,37
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoạt động công sản khác	1.500	1.140	75,98	90,17
II	<b>Thu viện trợ</b>				
B	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	181.800	158.095	86,96	127,69
1	Từ các khoản thu phân chia	127.715	112.995	88,47	148,72
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	54.085	45.100	83,39	94,29



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện 9 tháng	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2019	Cùng kỳ năm 2018
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>348.452</b>	<b>304.519</b>	<b>87,39</b>	<b>105,38</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>330.332</b>	<b>235.718</b>	<b>71,36</b>	<b>108,75</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>42.940</b>	<b>53.356</b>	<b>124,26</b>	<b>164,00</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	38.140	53.356	139,89	164,00
2	Chi đầu tư phát triển khác	4.800			
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>280.692</b>	<b>182.362</b>	<b>64,97</b>	<b>99,00</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	138.679	99.391	71,67	106,31
2	Chi khoa học và công nghệ	130	11	8,49	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	1.630	560	34,35	
4	Chi văn hóa thông tin	2.037	1.215	59,64	95,88
5	Chi phát thanh, truyền hình	705	594	84,33	141,21
6	Chi thể dục thể thao	592	579	97,75	115,97
7	Chi bảo vệ môi trường	3.350	1.351	40,32	55,84
8	Chi hoạt động kinh tế	28.532	6.691	23,45	49,94
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	72.271	45.134	62,45	102,27
10	Chi bảo đảm xã hội	8.769	6.975	79,55	70,49
III	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>6.700</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
B	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>18.120</b>	<b>68.802</b>	<b>379,70</b>	<b>95,24</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	2.540		16,53
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	-	49.098		116,51
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	18.120	17.163	94,72	116,51